

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 28 – 5 – 2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng

2. Bà Lê Trần Minh Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTPT, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Bình Đức, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lương Tường Huy – Luật sư Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Gia, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh TCT, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Bình Đức, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn chị Th trình bày như sau: Năm 2012, chị Th và anh T tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Châu Thành. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên dẫn đến tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do vậy khoảng tháng 10/2017 chị Th nộp đơn xin ly hôn với anh T. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th. Sau một năm kể từ ngày Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, vợ chồng chị Th không thể hàn gắn, vẫn tiếp tục mâu

thuần. Nay chị Th tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh T. Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013. Khi ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Th.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013. Khi ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh T: Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Chị NTPT trình bày quan điểm bảo vệ cho nguyên đơn như sau: Về quan hệ hôn nhân, giữa chị Th và anh T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vì cách đây 01 năm (năm 2018) do tình cảm vợ chồng đã có mâu thuẫn nên chị Th có gửi đơn xin ly hôn với anh T nhưng không được Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn. Trong thời gian 01 năm từ tháng 01 năm 2018 đến nay thì giữa chị Th và anh T tiếp tục có thêm mâu thuẫn, không thể hàn gắn, cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân, không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ. Do vậy, thực sự tình cảm giữa chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th. Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013, về điều kiện nuôi con thì chị Th có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị Th trực tiếp nuôi, chị Th có thu nhập ổn định, đảm bảo việc học tập của con nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th theo quy định pháp luật.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Th và anh T chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, về con chung. Kể từ khi Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th vào năm tháng 01/2018 thì từ đó cho đến nay vợ chồng ly thân, không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, anh T không quan tâm cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013, về điều kiện nuôi con thì chị Th có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị Th trực tiếp nuôi, chị Th có thu nhập ổn định, đảm bảo việc học tập của con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Đức, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh T đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị Th và anh T chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị Th trình bày vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường cãi nhau do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị Th đã nộp đơn ly hôn vào năm 2018 nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th với lý do chị Th không có chứng cứ xác định anh T ngoại tình. Hội đồng xét xử nhận định, sau một năm kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện CP không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th tại bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 02/01/2018 thì vợ chồng không thể hòa thuận để đoàn tụ. Trong quá trình

Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, từ năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân, cả hai đều không quan tâm cuộc sống vợ chồng, mặc dù Tâm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh, ban áp cung cấp thông tin chỉ có thông tin vợ chồng Thảo và Tâm ly hôn, còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ. Tại phiên tòa, chị Th trình bày hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, cả hai không còn liên hệ nhau, chị Th kiên quyết ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T sau một năm vẫn không thể hòa thuận, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013. Khi ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, xét về điều kiện nuôi con thì chị Th có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị Th trực tiếp nuôi, bản thân chị Th có thu nhập ổn định, đảm bảo việc học tập của con. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên là có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010449 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Chị NTPT được ly hôn với Anh TCT.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Chí Tính, sinh ngày 10/11/2013 cho Chị NTPT trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Chị NTPT phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010449 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Vĩnh An
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

